

Gia Lai, ngày 21 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình số 35-CTr/TU ngày 27/02/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Thực hiện Chương trình số 35-CTr/TU ngày 27/02/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế giới;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại văn bản số 323/SCT-QLXNK ngày 30/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình số 35-CTr/TU ngày 27/02/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học (VPUB);
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình số 35-CTr/TU ngày 27/02/2017 của Tỉnh ủy
thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng
(khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững
 ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định
 thương mại tự do thế hệ mới

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 309/QĐ-UBND ngày 21/4/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Mục tiêu:

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình số 35-CTr/TU ngày 27/02/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế giới.

2. Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tích cực hội nhập quốc tế, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên trong công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị. Tích cực chủ động chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác hội nhập quốc tế nhằm mục tiêu góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

II. Nội dung nhiệm vụ chủ yếu:

1. Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế:

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của tỉnh về hội nhập quốc tế.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho các doanh nghiệp, các đơn vị quản lý nhà nước nhằm phổ biến kiến thức về các Hiệp định thương mại song phương, đa phương của Việt Nam đã ký kết với các quốc gia, các khu vực trên thế giới; chiến lược tham gia các thỏa thuận thương mại tự do đến năm 2020, các cơ hội và thách thức của Việt Nam khi hội nhập sâu với kinh tế thế giới.

- Tập trung phản ánh những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai, tiềm năng thế mạnh và thu hút đầu tư, phát triển kinh tế thương mại và du lịch trong quá trình hội nhập quốc tế.

- Phản ánh các sự kiện lớn, các đoàn nước ngoài; lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm và làm việc tại tỉnh Gia Lai. Tuyên truyền tinh thần đoàn kết, hữu nghị, hợp tác phát triển trong khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Tuyên truyền những kết quả quan trọng của tỉnh trong việc thực hiện các chính sách về dân tộc, tôn giáo và nhân quyền để phản bác lại những luận điệu sai trái, xuyên tạc, sai sự thật với những âm mưu thù đoạn “diễn biến

hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, qua đó tăng cường khối đại đoàn kết giữa các dân tộc trong tỉnh.

2. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và nâng cao năng lực thực thi pháp luật:

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2015, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 của Chính phủ và Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 về ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước ở địa phương, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, địa phương theo Kế hoạch; triển khai thực hiện cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông”, “một cửa hiện đại”; đồng thời theo dõi, kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính tại các cơ quan, địa phương, nhằm công khai, minh bạch, chống phiền hà, nhũng nhiễu, tạo thuận lợi cho nhân dân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.

- Tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm loại bỏ những quy định chồng chéo, không phù hợp với các cam kết quốc tế; nghiên cứu bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát các cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh; vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách của Trung ương để xuất các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các chính sách đê tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tổ chức nông dân sản xuất nông sản hàng hóa quy mô lớn, chất lượng đảm bảo gắn với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu. Xây dựng nông nghiệp phát triển bền vững, hiệu quả trong hội nhập kinh tế quốc tế và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về khoa học và công nghệ. Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện về sử dụng nguồn kinh phí đối với nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tạo cơ chế thông thoáng trong đặt hàng, khoán, mua sản phẩm khoa học – công nghệ. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất; có chính sách khuyến khích đầu tư cho các doanh nghiệp ở các vùng nông thôn trong hoạt động chuyển giao khoa học - công nghệ - kỹ thuật.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh:

- Thực hiện tốt Quyết định số 400a/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Triển khai Kế hoạch hành động số 2744/KH-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao

năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai hai năm 2016-2017 và định hướng đến năm 2020.

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư áp dụng tại tỉnh.

- Triển khai thực hiện kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020.

- Triển khai hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ về thị trường như: Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia các sự kiện xúc tiến đầu tư và thương mại; giới thiệu các tin tức, cơ hội giao thương, các chính sách mới và tham vấn theo từng ngành hàng, từng đối tượng cụ thể; duy trì và nâng cấp Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá và giao dịch trực tuyến; tổ chức tham gia các sự kiện, hội chợ triển lãm trong nước theo chương trình xúc tiến quốc gia hàng năm; tổ chức khảo sát, nghiên cứu phát triển các thị trường phù hợp với các ngành hàng của tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc trưng của tỉnh như: cà phê, cao su, điêu, tiêu, phở khô, bò mông nướng Krông Pa, khoai lang Lê Cần,...

Tiếp tục đẩy mạnh chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, góp phần khẳng định vị thế của hàng Việt đối với người tiêu dùng, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia của các hàng hóa Việt.

- Triển khai xây dựng các mô hình trình diễn ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp: Mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, mô hình sản xuất ứng phó với biến đổi khí hậu, các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp. Trong đó ưu tiên thực hiện các mô hình tại các địa phương đã và đang xây dựng nông thôn mới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên các nhiệm vụ gắn với chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Củng cố và mở rộng mạng lưới ngân hàng trên địa bàn, đẩy mạnh đầu tư tín dụng đặc biệt là đầu tư phát triển các ngành kinh tế sử dụng công nghệ cao, các ngành sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Nâng cao chất lượng thanh toán và dịch vụ ngân hàng, chú trọng phát triển dịch vụ trình độ cao phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế về ngân hàng.

- Rà soát, đánh giá năng lực Hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh theo các tiêu chí của Chỉ số năng lực Hội nhập kinh tế quốc tế cấp địa phương, do Ban chỉ đạo liên ngành Hội nhập quốc tế về kinh tế công bố hàng năm; đẩy mạnh thực hiện công tác hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh trong thời gian tới.

4. Tập trung ưu tiên phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới:

- Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu giai đoạn 2016- 2020” theo Quyết định 369/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh và Chương trình số 15-CTr/TU

ngày 30/6/2016 của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học chất lượng cao vào sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Tập trung phát triển ngành nông nghiệp với các sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường, nông nghiệp hữu cơ, có năng suất cao, có giá trị lớn và có khả năng xuất khẩu phù hợp với biến đổi khí hậu và môi trường sinh thái.

Tổ chức các lớp tập huấn về phổ biến kiến thức sản xuất thực phẩm an toàn cho nông dân tại các huyện, thị xã, thành phố về sâu bệnh hại trên các loại cây trồng, mô hình quản lý ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây hồ tiêu, mô hình chăn nuôi heo theo tiêu chuẩn VietGap, tập huấn về kỹ thuật gieo ươm cà phê cho các chủ cơ sở kinh doanh giống cà phê; diễn đàn trao đổi, tạo liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân sản xuất mía, mì,...

- Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu. Xây dựng các mô hình điểm, cánh đồng lớn để nâng cao chuỗi giá trị sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế.

- Triển khai xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh. Hiện đại hóa, thương mại hóa nông nghiệp, chuyển mạnh sang phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, sản xuất lớn, dựa vào khoa học - công nghệ, có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao. Chuyển nền nông nghiệp từ sản xuất lương thực là chủ yếu sang phát triển nền nông nghiệp đa dạng phù hợp với lợi thế từng vùng.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn theo quy hoạch gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm của nông dân; giải quyết việc làm; nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm theo hướng đẩy mạnh chế biến tinh, giảm dần chế biến thủ công, đảm bảo yêu cầu về Vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án trên địa bàn với nguồn vốn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới để đầu tư, xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng nông thôn.

5. Tăng cường công tác quốc phòng an ninh:

- Xây dựng các phương án đấu tranh chống lại âm mưu diễn biến hoà bình của các lực lượng thù địch; tăng cường và mở rộng các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế với chính quyền và các lực lượng vũ trang các tỉnh giáp biên giới với Lào, Campuchia.

- Chủ động xây dựng các phương án bảo vệ tuyệt đối các công trình trọng điểm, các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc tại địa phương.

- Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự trên các lĩnh vực chính trị nội bộ, văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, lợi dụng các vấn đề dân tộc tôn giáo, dân chủ nhân quyền để gây mất ổn định tình

hình an ninh trật tự trên địa bàn của các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo về đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước; kiên quyết đấu tranh, xử lý kịp thời và nghiêm minh đối với những hoạt động chống phá, chia rẽ khôi đại đoàn kết dân tộc.

- Tăng cường hợp tác quốc tế với lực lượng biên phòng, công an các tỉnh giáp biên giới trong công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm.

6. Thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại:

- Thực hiện nghiêm túc Quyết định 272-QĐ/TW ngày 21/01/2015 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy chế thống nhất các hoạt động đối ngoại; Chỉ thị 04/CT-TW ngày 06/7/2011 của Ban Bí thư về “Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới”; Quyết định 2364-QĐ/TU ngày 29/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế quản lý các hoạt động đối ngoại tỉnh Gia Lai.

- Tăng cường cập nhật, phổ biến thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trong nước, về hoạt động đối ngoại của đất nước và của tỉnh, quan điểm của Đảng, nhà nước ta về các vấn đề quốc tế và khu vực.

Cung cấp thông tin quốc tế đến các tầng lớp nhân dân một cách kịp thời và có định hướng. Đấu tranh chống những thông tin sai sự thật, luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch, nhất là trên lĩnh vực chủ quyền quốc gia, biên giới, lãnh thổ, biển đảo, dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do báo chí,...

- Tăng cường kết nối với các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức quốc tế, đặc biệt với Đại sứ quán các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Campuchia, Isarel, Trung Quốc và các nước châu Âu để cung cấp, trao đổi thông tin về tình Gia Lai nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư nước ngoài vào tỉnh, tìm kiếm cơ hội xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh ra nước ngoài.

- Đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các tỉnh biên giới của Campuchia nhằm thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh biên giới; phối hợp chặt chẽ, chủ động thông tin với trung ương những tình huống phát sinh để kịp thời xử lý.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí nguồn nhân lực vững vàng về chính trị, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đối ngoại và hợp tác quốc tế trong tình hình mới.

7. Bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá hình ảnh tiềm năng phát triển du lịch, các giá trị di sản văn hóa tiêu biểu của tỉnh.

Triển khai tốt các nội dung sau Hội thảo “Tiềm năng và phát triển du lịch Gia Lai” vừa tổ chức nhân Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2016. Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá, giới thiệu, liên kết với các tỉnh vùng Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung để phát triển mạnh ngành du lịch.

- Thực hiện việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tăng cường kiểm soát và xử lý sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa không lành mạnh, gây phuong hại đến sự phát triển của đất nước và con người Việt Nam.

- Cùng cố phát triển hoạt động văn nghệ, thể thao quần chúng; khai thác, bảo tồn và tôn tạo di tích lịch sử, di sản văn hóa tiêu biểu. Tổ chức thống kê, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh. Phục dựng các lễ hội tiêu biểu của cộng đồng dân tộc Jarai, Bahnar.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; tăng cường huy động và tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển thể dục thể thao quần chúng và thể thao chuyên nghiệp. Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch, chương trình phát triển văn hóa gắn với phát triển du lịch.

- Xây dựng quy hoạch tổng thể di tích lịch sử Tây Sơn Thượng đạo, di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh; căn cứ địa cách mạng khu 10, xã Krong, huyện Kbang; xây dựng đề án “Công viên địa chất toàn cầu”. Tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch, hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương như xây dựng một số điểm du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch sinh thái.

- Xây dựng phương án đưa tỉnh Gia Lai thành địa bàn trọng điểm phát triển du lịch quốc gia để trình Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch xem xét bổ sung vào Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Xây dựng đề án đăng cai tổ chức Festival cồng chiêng định kỳ (2 năm/lần) để trình Trung ương xem xét, phê duyệt. Xây dựng quy định quản lý danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa, du lịch trên địa bàn; các giải pháp hỗ trợ đào tạo nghề, kỹ năng cho người lao động tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch.

8. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội:

- Thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình mục tiêu về an sinh xã hội.

- Triển khai tốt các chế độ, chính sách, chương trình, dự án để đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; định canh định cư bền vững. Tập trung nguồn lực đầu tư cho các huyện nghèo, các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, làng đặc biệt khó khăn từ chương trình 135, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình đầu tư cho các huyện nghèo theo Quyết định 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, dự án giảm nghèo Tây Nguyên.

- Giải quyết việc làm cho người lao động bằng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường xuất khẩu lao động; thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia, đề án dạy nghề cho lao động nông thôn, nhất là thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức tốt công tác thông tin việc làm, sàn giao dịch việc làm ở một số địa bàn trọng điểm, tạo sự kết nối giữa người lao động với doanh nghiệp.

- Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề và tư vấn, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động. Tiếp tục thực hiện tốt Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ gắn với xây dựng

nông thôn mới. Đôn đốc các doanh nghiệp tuyển dụng lao động là đồng bào dân tộc thiểu số vào làm việc và thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ cho người lao động theo quyết định 42/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ, các dịch vụ xã hội cơ bản cho nhân dân như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin, đặt biệt là ở các vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

9. Giải quyết tốt các vấn đề môi trường:

- Đầu mạnh công tác quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường trên địa bàn; Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 20/5/2010 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch hành động về bảo vệ đa dạng sinh học, an toàn sinh học giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/12/2012 của UBND tỉnh Gia Lai và thực hiện Kế hoạch hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Tổ chức triển khai các đề án, chương trình, dự án bảo vệ môi trường. Phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường. Tổ chức các đợt thanh, kiểm tra, xử lý các vi phạm đối với các doanh nghiệp đã và đang gây ô nhiễm môi trường.

10. Đổi mới tổ chức, hoạt động của tổ chức công đoàn và quản lý tốt sự ra đời, hoạt động của các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp:

- Đầu mạnh công tác tuyên truyền giáo dục trong công nhân viên chức, người lao động. Chú trọng quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

- Tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công đoàn Việt Nam đáp ứng yêu cầu hoạt động Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới; đáp ứng hội nhập quốc tế, tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức, nội dung hoạt động Công đoàn, lấy lợi ích của đoàn viên làm cốt lõi, nhằm tập hợp đông đảo Công nhân viên chức, người lao động tự nguyện gia nhập tổ chức Công đoàn.

- Mật trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục nâng cao hiệu quả tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân, củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy tinh thần sáng tạo và tự quản của nhân dân, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước; phát huy dân chủ, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Hội nhập Kinh tế quốc tế tỉnh (Ban HNKTQT tỉnh) và các sở, ban, ngành liên quan:

a. Sở Công Thương, cơ quan thường trực Ban Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh: Tham mưu cho Trưởng ban Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh theo dõi tình hình, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban, ngành, địa phương thực hiện kế hoạch; tập

hợp những vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện tốt kế hoạch đề ra, định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

b. Các thành viên Ban Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh; các sở, ban, ngành liên quan: Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, các thành viên Ban HNKTQT tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan chủ động xây dựng kế hoạch (lồng ghép vào nội dung thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và kế hoạch 5 năm 2016-2020); thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình, tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ ngành mình phụ trách, báo cáo về cơ quan thường trực Ban HNKTQT tỉnh để tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện; đề xuất, tham mưu, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh thực hiện những nhiệm vụ liên quan đảm bảo đạt hiệu quả; định kỳ báo cáo cơ quan thường trực Ban HNKTQT tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành



PHỤ LỤC

CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

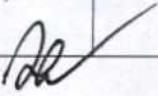
(Kiem theo Quyết định số: 303/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh)

TF	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế			
1.1	Tổ chức các lớp tập huấn phổ biến kiến thức về các Hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương của Việt Nam đã ký kết với các quốc gia, các khu vực trên thế giới; chiến lược tham gia các thỏa thuận thương mại tự do đến năm 2020, các cơ hội và thách thức của Việt Nam khi hội nhập sâu với kinh tế thế giới	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
1.2	Tuyên truyền những thành tựu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Gia Lai, tiềm năng thế mạnh và thu hút đầu tư, phát triển kinh tế thương mại và du lịch trong quá trình hội nhập quốc tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Đài PTTH tỉnh, Báo Gia Lai	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
2	Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và nâng cao năng lực thực thi pháp luật			
2.1	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, địa phương; triển khai thực hiện cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông”, “một cửa hiện đại”...; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính tại các cơ quan, địa phương	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
2.2	Rà soát các cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh. Đề xuất các cơ chế, chính sách để tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tổ chức nông dân sản xuất nông sản hàng hóa quy mô lớn, chất lượng đảm bảo gắn với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
2.3	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về khoa học và công nghệ Hoàn thiện cơ chế, chính sách đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất; chính sách khuyến khích đầu tư cho các doanh nghiệp ở các vùng nông thôn trong hoạt động chuyển giao khoa học - công nghệ - kỹ thuật	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
2.4	Rà soát, nghiên cứu bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
2.5	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về khoa học và công nghệ; Ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật: Quy chế hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn; Quy chế hỗ trợ đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm và	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020

	phát triển tài sản trí tuệ; Sửa đổi và bổ sung Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh			
3	Nâng cao năng lực cạnh tranh			
3.1	Thực hiện tốt Quyết định số 400a/QĐ-UBND, ngày 30/6/2016 ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
3.2	Triển khai Kế hoạch hành động số 2744/KH-UBND ngày 15/6/2016 triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai năm 2016-2017 và định hướng đến năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
3.3	Triển khai thực hiện Kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
3.4	Triển khai hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
3.5	Triển khai xây dựng các mô hình trình diễn ứng dụng tiên bộ KH&CN vào sản xuất nông nghiệp: Mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; mô hình sản xuất ứng phó với biến đổi khí hậu; các mô hình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
3.6	Tổ chức tuyên truyền phổ biến, công bố tiêu chuẩn hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Phổ biến hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) đến các doanh nghiệp; Tăng cường công tác quản lý, kiểm định các phương tiện đo; tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
3.7	Cùng cố và mở rộng mạng lưới ngân hàng trên địa bàn, đẩy mạnh đầu tư tín dụng đặc biệt là đầu tư phát triển các ngành kinh tế sử dụng công nghệ cao, các ngành sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Nâng cao chất lượng thanh toán và dịch vụ ngân hàng, chú trọng phát triển dịch vụ trình độ cao phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế về ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước tỉnh Gia Lai	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
4	Tập trung ưu tiên phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới			
4.1	Triển khai xây dựng và thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
4.2	Tổ chức các lớp tập huấn về phổ biến kiến thức sản xuất thực phẩm an toàn cho nông dân tại các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp &PTNT	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm

4.3	Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Gia Lai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu giai đoạn 2016- 2020”	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
5	Tăng cường quốc phòng, an ninh			
5.1	Xây dựng các phương án giữ gìn an ninh trật tự, đấu tranh chống lại âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch; tăng cường và mở rộng các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế với chính quyền và các lực lượng vũ trang các tỉnh giáp biên giới với Campuchia, Lào	Công an tỉnh, BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
6	Thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại			
6.1	Tăng cường cập nhật, phổ biến thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trong nước, về hoạt động đối ngoại của đất nước và của tỉnh, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về các vấn đề quốc tế và khu vực	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
6.2	Đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các tỉnh biên giới của Campuchia nhằm thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh biên giới; phối hợp chặt chẽ, chủ động thông tin với trung ương những tình huống phát sinh để kịp thời xử lý	Sở Ngoại vụ; BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
6.3	Kết nối với các Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức quốc tế, đặc biệt với Đại sứ quán các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Campuchia, Israel, Trung Quốc và các nước Châu Âu để cung cấp, trao đổi thông tin về tình Gia Lai nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư nước ngoài vào tỉnh, tìm kiếm cơ hội xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh ra nước ngoài	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
6.4	Thực hiện Kế hoạch số 5235/KH-UBND ngày 14/11/2016 về Hợp tác thương mại, đầu tư giữa Gia Lai và các tỉnh Vương quốc Campuchia giai đoạn 2016-2020, các Biên bản ghi nhớ ký kết với tỉnh Ratanakiri, Stung Treng-Campuchia và tỉnh Champasak – Lào	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
6.5	Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đối ngoại và hợp tác quốc tế trong tình hình mới	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
7	Bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc			
7.1	Thực hiện các nội dung tại Hội thảo “Tiềm năng và phát triển du lịch Gia Lai” vừa tổ chức nhân Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2016. Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá, giới thiệu, liên kết với các tỉnh vùng Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung	Sở Văn hóa TT&DL	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
7.2	Thông kê, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh. Phục dựng các lễ hội tiêu biểu của cộng đồng dân tộc Jarai, Bahnar	Sở Văn hóa TT&DL	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
7.3	Xây dựng quy hoạch tổng thể di tích lịch sử Tây Sơn thượng đạo, các di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh;	Sở Văn hóa TT&DL	Các sở, ban, ngành liên quan;	Năm 2017-2020

	Căn cứ địa cách mạng khu 10, xã Krong, huyện KBang		UBND các huyện, TX, TP	
7.4	Xây dựng phương án đưa tỉnh Gia Lai thành địa bàn trọng điểm phát triển du lịch quốc gia để trình Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch xem xét bổ sung vào Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Văn hóa TT&DL	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
7.5	Xây dựng đề án Đăng cai tổ chức Festival cồng chiêng định kỳ (2 năm/lần) để trình Trung ương xem xét, phê duyệt	Sở Văn hóa TT&DL	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
7.6	Xây dựng Quy định quản lý danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa, du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa TT&DL	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020
8	Giải quyết tốt các vấn đề xã hội			
8.1	Triển khai đồng bộ các chính sách đối với người có công, dạy nghề, giải quyết việc làm, bảo trợ xã hội, giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
8.2	Thực hiện hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo bền vững và các chương trình mục tiêu về an sinh xã hội	Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
8.3	Giải quyết việc làm cho người lao động bằng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức tốt công tác thông tin việc làm, tổ chức sàn giao dịch việc làm ở một số địa bàn trọng điểm, tạo sự kết nối giữa người lao động với doanh nghiệp	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
8.4	Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề và tư vấn, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
9	Giải quyết tốt các vấn đề môi trường			
9.1	Tổ chức triển khai các chương trình, dự án, đề án bảo vệ môi trường. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường. Tổ chức các đợt thanh, kiểm tra, xử lý các vi phạm đối với các doanh nghiệp đã và đang gây ô nhiễm môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm
10	Đổi mới tổ chức, hoạt động của các tổ chức công đoàn và quản lý tốt sự ra đời, hoạt động của các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp			
10.1	Tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ CĐVN đáp ứng yêu cầu hoạt động CĐVN trong tình hình mới, đáp ứng hội nhập quốc tế; tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức, nội dung hoạt động Công đoàn đáp ứng yêu cầu tình hình mới, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, thu hút người lao động và tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp tham gia tổ chức công đoàn	Liên đoàn Lao động tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2017-2020

 10.2 Tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân, cung cấp và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước; phát huy dân chủ, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh	Mặt trận Tổ quốc, Các đoàn thể chính trị - xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Hàng năm 
---	---	--	---